

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 103/2021/HS-PT
Ngày 24-12-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tôn Văn Thông

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Tỉnh

Ông Lê Văn Phận

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Sương - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Đặng Hữu Tài - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 75/2021/TLPT-HS ngày 01 tháng 10 năm 2021 đối với bị cáo Nguyễn Thị Minh T do có kháng cáo của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 71/2021/HS-ST ngày 16 tháng 7 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre.

Bị cáo bị kháng cáo: **Nguyễn Thị Minh T**, sinh năm 1957 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: ấp H, xã V, huyện C, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: làm vườn; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T (chết) và bà Trần Thị S (chết); tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo tại ngoại; vắng mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có kháng cáo: Bà Trần Thị Ph, sinh năm 1949; nơi cư trú: ấp L, xã V, huyện C, tỉnh Bến Tre, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào năm 2017 đến năm 2018, bà Trần Thị Ph có vay của Nguyễn Thị Minh T 03 lần tiền với tổng số tiền 340.000.000 đồng, cụ thể như sau:

- Ngày 31/12/2017, bà Trần Thị Ph vay của Nguyễn Thị Minh T số tiền 40.000.000 đồng không ghi lãi suất, nhưng thỏa thuận lãi suất là 9%/tháng, thời hạn vay đến ngày 31/03/2018 nhưng bà Ph chưa trả gốc và lãi;

- Ngày 07/01/2018, bà Trần Thị Ph vay của Nguyễn Thị Minh T 02 lần tiền:

+ Lần thứ nhất: Nguyễn Thị Minh T cho bà Trần Thị Ph vay số tiền 150.000.000 đồng, lãi suất 5%/tháng, thời hạn vay hai bên thỏa thuận nếu bà Ph

không đóng lãi thì bà T sẽ lấy lại toàn bộ tiền gốc. Khi bà T cần tiền gốc thì báo trước 01 tháng để bên vay hoàn trả lại. Bà Ph đóng lãi được 03 tháng với số tiền 22.500.000 đồng thì ngưng đóng lãi;

+ Lần thứ hai: Nguyễn Thị Minh T cho bà Trần Thị Ph vay số tiền 150.000.000 đồng, lãi suất 9%/tháng, thời hạn vay hai bên thỏa thuận nếu bà Ph không đóng lãi thì bà T sẽ lấy lại toàn bộ tiền gốc. Khi bà T cần tiền gốc thì báo trước 01 tháng để bên vay hoàn trả lại. Bà Ph đóng lãi được 03 tháng với số tiền 40.500.000 đồng thì ngưng đóng lãi.

Vật chứng thu giữ:

- 01 (một) Hợp đồng cho cá nhân vay tiền, ghi ngày 31/12/2017 có chữ ký của bà Trần Thị Ph và Nguyễn Thị Minh T .

- 02 (hai) Hợp đồng cho cá nhân vay tiền, cùng ghi ngày 07/01/2018 có chữ ký của bà Trần Thị Ph và Nguyễn Thị Minh T .

* Theo Kết luận giám định số 194/2019/GĐTL ngày 31/7/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bến Tre kết luận:

- Chữ ký “Phiêm” dưới mục “Đại diện bên” trên 03 “Hợp đồng cho cá nhân vay tiền”, cùng đề ngày 07 tháng 01 năm 2018 (Ký hiệu A1, A2); đề ngày 31 tháng 12 năm 2017 (Ký hiệu A3) nêu tại mục II.1 so với chữ ký, chữ viết của Trần Thị Ph trên tài liệu mẫu so sánh (Ký hiệu từ M1 đến M8) nêu tại mục II.2 do cùng một người ký ra.

- Chữ ký “Ph”, chữ viết “Trần Thị Ph ” dưới mục “Bên B ký tên” của phần “Phụ chú” ở mặt sau 02 “Hợp đồng cho cá nhân vay tiền”, cùng đề ngày 07 tháng 01 năm 2018 (Ký hiệu A4, A5) nêu tại mục II.1 so với chữ ký, chữ viết của Trần Thị Ph trên tài liệu mẫu so sánh (Ký hiệu từ M1 đến M8) nêu tại mục II.2 do cùng một người ký và viết ra.

Quá trình điều tra, Nguyễn Thị Minh T khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với những chứng cứ đã thu thập được. Bị cáo đã giao nộp số tiền 40.500.000 đồng tiền lãi thu được của hợp đồng vay ngày 07/01/2018 với lãi suất 9% tháng.

* Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 71/2021/HS-ST ngày 16/7/2021 của Tòa án nhân dân huyện C , tỉnh Bến Tre đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Minh T phạm “Tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”;

Áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Minh T 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ;

Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã V , huyện C , tỉnh Bến Tre nhận được Bản án và quyết định thi hành án;

Giao người bị kết án cho Ủy ban nhân dân xã V , huyện C , tỉnh Bến Tre giám

sát, giáo dục trong thời gian cải tạo;

Trong trường hợp người bị kết án đang chấp hành hình phạt chuyển đi nơi khác thì cơ quan, tổ chức giám sát, giáo dục có trách nhiệm thông báo ngay cho Cơ quan thi hành án kèm theo hồ sơ của người bị kết án để làm thủ tục cần thiết giao cho cơ quan, tổ chức nơi người đó chuyển đến tiếp tục giám sát, giáo dục, cải tạo;

Về xử lý vật chứng: căn cứ vào các Điều 47, 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Trả lại cho người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Ph số tiền đã bị thu lợi bất chính là 33.000.000 đồng (đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án trong số tiền 40.500.000 đồng bị cáo giao nộp);

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 7.500.000 đồng (đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án trong số tiền 40.500.000 đồng bị cáo giao nộp);

(Biên bản giao nhận ngày 15/6/2021 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra với Chi cục Thi hành án dân sự huyện C);

Buộc bà Trần Thị Ph giao nộp số tiền 150.000.000 đồng (là tiền mà bị cáo đưa cho bà Ph để sử dụng làm phương tiện phạm tội) để sung công quỹ Nhà nước.

Ngoài ra; Bản án sơ thẩm còn tuyên về hình phạt bổ sung bằng tiền 30.000.000 đồng đối với bị cáo Nguyễn Thị Minh T , án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm; ngày 02/8/2021, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Ph kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm không buộc bà giao nộp số tiền 150.000.000 đồng để sung công quỹ Nhà nước.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Ph thừa nhận có vay tiền của bị cáo Nguyễn Thị Minh T như Bản án sơ thẩm đã tuyên. Bà Ph giữ nguyên kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm không buộc bà giao nộp số tiền 150.000.000 đồng để sung công quỹ Nhà nước.

- Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên thể hiện như sau: đơn kháng cáo của bà Trần Thị Ph làm trong hạn luật định. Về xử lý vật chứng; Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà Trần Thị Ph giao nộp số tiền 150.000.000 đồng là số tiền mà bị cáo Nguyễn Thị Minh T đưa cho bà Ph để sử dụng làm phương tiện phạm tội để sung công quỹ Nhà nước là có căn cứ; kháng cáo của bà Trần Thị Ph yêu cầu không giao nộp số tiền 150.000.000 đồng để sung công quỹ Nhà nước là không có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị Ph ; giữ nguyên Bản án sơ thẩm. Căn cứ vào Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng Điều 47; Điều 48 của Bộ luật Hình sự; buộc bà Trần Thị Ph giao nộp số tiền 150.000.000 đồng là tiền mà bị cáo Nguyễn Thị Minh T đưa cho bà Ph để sử dụng làm phương tiện phạm tội để sung công quỹ Nhà nước. Các phần khác của Bản

án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Ph tranh luận: không đồng ý giao nộp số tiền 150.000.000 đồng để sung công quỹ Nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: đơn kháng cáo của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Ph gửi đến Tòa án trong thời hạn kháng cáo phù hợp với quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; bị cáo Nguyễn Thị Minh T vắng mặt nhưng không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án, nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị cáo theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 351 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án: căn cứ vào lời khai của bị cáo trong hồ sơ vụ án và lời khai của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan tại phiên tòa phúc thẩm kết hợp với các tài liệu, chứng cứ đã được tranh tụng tại phiên tòa, có cơ sở xác định: vào ngày 07/01/2018, tại ấp L, xã V, huyện C, tỉnh Bến Tre. Bị cáo Nguyễn Thị Minh T cho bà Trần Thị Ph vay số tiền 150.000.000 đồng, lãi suất 09%/tháng tương đương 108%/năm vượt quá 05 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính số tiền 33.000.000 đồng.

[3] Về tội danh: bị cáo là người thành niên, có năng lực trách nhiệm hình sự; đã thực hiện hành vi cho vay số tiền 150.000.000 đồng, với lãi suất 09%/tháng, tương đương 108%/năm ($09\%/\text{tháng} \times 12 \text{ tháng} = 108\%/\text{năm}$), vượt mức lãi suất cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự ($20\%/\text{năm}$) ($20\%/\text{năm} : 12 \text{ tháng} = 1,67\%/\text{tháng}$) quá 05 lần ($108\% : 20\% = 5,4$), thu lợi bất chính số tiền 33.000.000 đồng ($40.500.000 \text{ đồng} - [150.000.000 \text{ đồng} \times 1,67\%/\text{tháng} \times 3 \text{ tháng}] = 33.000.000 \text{ đồng}$); bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý; hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm quy định của Nhà nước về quản lý các hoạt động tín dụng, xâm phạm lợi ích của người vay tiền. Với ý thức, hành vi và hậu quả xảy ra; Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Minh T phạm “Tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật; đã xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Minh T 09 tháng cải tạo không giam giữ; bị cáo Nguyễn Thị Minh T đồng ý với Bản án sơ thẩm nên không có kháng cáo.

[4] Xét kháng cáo của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Ph yêu cầu không giao nộp số tiền 150.000.000 đồng để sung công quỹ Nhà nước, thấy rằng: do bà Trần Thị Ph không thực hiện việc trả nợ đúng theo hợp đồng đã ký kết với bị cáo Nguyễn Thị Minh T đối với số tiền vay 40.000.000 đồng, lãi suất 09%/tháng theo “Hợp đồng cho cá nhân vay tiền” ngày 31/12/2017, số tiền vay 150.000.000 đồng, lãi suất 05%/tháng theo “Hợp đồng cho cá nhân vay tiền” ngày 07/01/2018 và số tiền vay 150.000.000 đồng, lãi suất 09%/tháng theo “Hợp đồng cho cá nhân vay tiền” ngày 07/01/2018 nên bị cáo Nguyễn Thị Minh T đã khởi kiện vụ án dân sự về tranh chấp hợp đồng vay tài sản đến Tòa án nhân dân huyện C , tỉnh Bến Tre. Bản án số: 136/2018/DS-ST ngày 23/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện C , tỉnh Bến Tre đã buộc bà Trần Thị Ph trả cho bị cáo Nguyễn Thị Minh T tổng số tiền của 03 hợp đồng vay tiền nêu trên là 326.891.500 đồng (gồm nợ gốc: 323.333.000 đồng, tiền lãi: 3.558.500 đồng). Quyết định giám đốc thẩm số: 272/2020/DS-GĐT ngày 29/12/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã hủy Bản án số: 136/2018/DS-ST ngày 23/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện C , tỉnh Bến Tre để giải quyết lại sơ thẩm theo đúng quy định pháp luật. Theo Thông báo về việc thụ lý vụ án số: 117/2021/TB-TLVA ngày 10/3/2021 và Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số: 29/2021/QĐST-DS ngày 30/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện C , tỉnh Bến Tre thì bà Trần Thị Ph và ông Phạm Văn Ngh (vợ chồng) có nghĩa vụ liên đới trả cho Nguyễn Thị Minh T tổng số tiền vay là 160.000.000 đồng đối với hai khoản tiền vay là: “Hợp đồng cho cá nhân vay tiền” ngày 31/12/2017, số tiền vay 40.000.000 đồng, lãi suất 09%/tháng và “Hợp đồng cho cá nhân vay tiền” ngày 07/01/2018, số tiền vay 150.000.000 đồng, lãi suất 05%/tháng. Riêng đối với “Hợp đồng cho cá nhân vay tiền” ngày 07/01/2018, số tiền vay 150.000.000 đồng, lãi suất 09%/tháng thì Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C , tỉnh Bến Tre đã ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự số: 04 ngày 18/12/2019 và Quyết định khởi tố bị can số: 28 ngày 07/5/2021 đối với Nguyễn Thị Minh T về “Tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự. Ở cấp sơ thẩm bị cáo Nguyễn Thị Minh T khẳng định đối với số tiền đưa cho bà Trần Thị Ph vay 150.000.000 đồng, lãi suất 09%/tháng đã bị xử lý hình sự thì bà Ph chưa trả lại cho bị cáo T . Theo “Đơn kháng cáo” ngày 02/8/2021 của bà Trần Thị Ph , bà Ph nêu có vay của bị cáo T số tiền 150.000.000 đồng, lãi suất 09%/tháng vào ngày 01/7/2017 nhưng đã trả tất cho bị cáo T trước mặt Cơ quan Thi hành án rồi, xét thấy lời trình bày nêu trên của bà Ph không phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Tại phiên tòa phúc thẩm; bà Trần Thị Ph trình bày đã trả xong cho bị cáo T số tiền 150.000.000 đồng đã vay với lãi suất 09%; bà Ph cung cấp “Giấy xác nhận kết quả thi hành án” số 678/GXN-THADS ngày 17/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C , tỉnh Bến Tre, có

nội dung: bà Trần Thị Ph đã thi hành xong theo Quyết định đình chỉ số 09a/QĐ- CCTHADS ngày 15/3/2021 đối với Bản án số 136/DSST ngày 23/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện C , tỉnh Bến Tre; bà Trần Thị Ph đã thi hành xong phần buộc bà Trần Thị Ph và ông Phạm Văn Ngh phải liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Minh T số tiền vay tổng cộng là 160.000.000 đồng theo Bản án số 29/DSST ngày 30/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện C , tỉnh Bến Tre. Vì vậy, việc bà Ph cho rằng đã trả xong cho bị cáo Nguyễn Thị Minh T số tiền 150.000.000 đồng, lãi suất 09%/tháng trong vụ án này là không có cơ sở chấp nhận. Xét thấy quyết định của Bản án sơ thẩm về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng có căn cứ và đúng pháp luật, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy không có căn cứ để thay đổi biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng đối với bà Trần Thị Ph , nên không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị Ph ; giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

[5] Quan điểm của Kiểm sát viên không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị Ph , giữ nguyên Bản án sơ thẩm là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử.

[6] Về án phí: do bà Trần Thị Ph là người cao tuổi nên được miễn nộp tiền án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ vào điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị Ph ; giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số: 71/2021/HS-ST ngày 16/7/2021 của Tòa án nhân dân huyện C , tỉnh Bến Tre;

[2] Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: căn cứ vào Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng Điều 47; Điều 48 của Bộ luật Hình sự;

Buộc bà Trần Thị Ph giao nộp số tiền: 150.000.000 (một trăm năm mươi triệu) đồng (là tiền mà bị cáo Nguyễn Thị Minh T đưa cho bà Trần Thị Ph để sử dụng làm phương tiện phạm tội) để sung công quỹ Nhà nước.

[3] Về án phí: căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Bà Trần Thị Ph được miễn nộp án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về phần tội danh, hình phạt chính và hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo Nguyễn Thị Minh T , xử lý vật chứng và án phí không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

[5] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I - Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng hồ sơ - Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- TAND huyện C (3b);
- VKSND huyện C (1b);
- Công an huyện C (1b);
- Bị cáo (1b);
- NCQLNVLQ (1b);
- Chi cục THADS huyện C (1b);
- UBND xã V, huyện C (1b);
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (5b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tôn Văn Thông